

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	558.839	480.338	78.501
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	535.635	468.309	67.326
I	Chi đầu tư phát triển	75.408	75.408	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	75.408	75.408	-
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	28.000	28.000	
-	<i>Chi XDCB tập trung (Vốn trong nước)</i>	47.408	47.408	
II	Chi thường xuyên	450.713	384.601	66.112
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	257.130	257.130	-
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	9.014	7.800	1.214
VI	Tăng thu Ngân sách chưa bố trí nhiệm vụ chi (không bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất)	500	500	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	23.204	12.029	11.175
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	23.011	11.836	11.175
1	Chương trình Xây dựng nông thôn mới	11.627	5.216	6.411
a	<i>Vốn đầu tư</i>	7.461	5.076	2.385
b	<i>Vốn sự nghiệp</i>	4.166	140	4.026
2	Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	11.384	6.620	4.764
a	<i>Vốn đầu tư</i>	11.384	6.620	4.764
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	193	193	-
1	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (Vốn sự nghiệp)	193	193	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			